TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Văn Mạo.**

2. Bà **Hoàng Thị Thào.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị T**, sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Gi**, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 25/01/2019, bản tự khai ngày 13/02/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với chồng là anh Nguyễn Văn Gi trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B,

tỉnh Bắc Kạn vào ngày 04/12/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Sau đó cuộc sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Gi chơi bời, không tu chí làm ăn, chị T đã nhiều lần khuyên bảo anh Gi nhưng anh Gi không nghe khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến ngày 18/9/2016 thì hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong quá trình sống ly thân hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T xin được ly hôn anh Gi.

Về con chung: Hai vợ chồng chị T và anh Gi có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 19/10/2009 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Hiện nay đang sinh sống với anh Gi. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung:

- *Về tài sản chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị T xác định hai vợ chồng chị không nợ ai và không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/02/2019, biên bản hòa giải ngày 08/3/2019 và các lời khai, lời trình bày có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Gi và chị Lường Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó cuộc sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong quá trình sống ly thân hai vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên chị T xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh Gi và chị Tươi có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 19/10/2009 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Hiện nay đang sinh sống với anh Gi. Khi ly hôn anh Gi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tại bản tự khai anh Gi yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000^{đ} *(Hai triệu đồng)* nhưng sau đó tại biên bản hòa giải cũng như các lời trình bày anh Gi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung:

- *Về tài sản chung:* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Gi trình bày vợ chồng anh có gửi Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 160.000.000đ *(Một trăm sáu mươi triệu đồng)*, nguồn gốc số tiền này là do hai vợ chồng buôn bán và chăn nuôi lợn mà có. Khi ly hôn anh yêu cầu được chia đôi số tiền này mỗi người 1/2 anh Gi được 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* và chị T được 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)*. Tuy nhiên, sau đó anh Gi lại có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

- *Về vay nợ chung:* Anh Gi xác nhận không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 con chung của chị T và anh Gi, cháu Nguyễn Anh D trình bày: Cháu đang sống với bố Nguyễn Văn Gi, khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với bố để được chăm sóc tốt nhất. Ngoài ra cháu D còn khai cháu còn nhỏ chưa có tài sản gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn Gi được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị T. Chị Lường Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Gi.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Anh D sinh ngày 19/10/2009 cho anh Nguyễn Văn Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Nguyễn Văn Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 04/12/2009. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía chị T trong các lời khai và tại phiên tòa đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tươi không còn tình cảm với anh Gi nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía anh Gi tại các lời khai anh Gi đều thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau trong sinh hoạt hàng ngày nên chị T xin ly hôn anh Gi nhất trí.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị T và anh Gi, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi sinh sống của vợ chồng chị T và anh Gi, kết quả xác minh thể hiện: Chị T và anh Gi sau khi kết hôn hai vợ chồng ra ở riêng tại Thôn L, xã Y, huyện B. Trong quá trình chung sống ban đầu hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm gần đây thì hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Gi không tu chí làm ăn, hay chơi bời. Đến năm 2017 thì chị T chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Q, huyện B và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Gi đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị T và anh Gi có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 19/10/2009 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Hiện nay đang sinh sống với anh Gi. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh Gi đã đồng ý. Mặt khác, cháu Nguyễn Anh D cũng có nguyện vọng được sống với bố là anh Nguyễn Văn Gi để được chăm sóc tốt nhất. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và yêu cầu của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng giao con chung cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo được các quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh Gi cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn ly hôn nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn khai hai vợ chồng còn gửi Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B số tiền 160.000.000đ *(Một trăm sáu mươi triệu đồng)* và yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền mỗi người 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)*. Sau đó, anh Gi lại có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung.

Như vậy, về tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Các bên đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị T. Chị Lường Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Gi.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 19/10/2009 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho anh Nguyễn Văn Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tươi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lường Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03653

ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Anh Tuấn